



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Tứ Minh)

Đơn vị tính: Triệu đồng																		
STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự toán (hoặc Q. toán)		Đã thanh toán các năm trước	Kế hoạch vốn 2025		Số đã thanh toán năm 2025				Số dự án					
							Vốn năm 2025 đã bố trí	Vốn còn thiếu	Tư chuyển nguồn năm 2024		Năm 2025							
		Cộng		Trong đó					Cộng	Trong đó								
				Tiền đất	Tiền thường xuyên					Tiền đất	Tiền đền bù khi NN thu hồi đất	Trợ cấp MT từ huyện		Trợ cấp MT từ NS tỉnh				
	TỔNG CỘNG		283.543	-	134.703	67.186	58.438	8.965	23.914	19.481	18.867	614	4.430	2.164	829	1.000	437	29
A	XÃ CẨM ĐOÀI		144.152	-	37.213	33.800	3.299	-	2.700	369	0	369	2.330	64	829	1.000	437	18
1	Dự án đã thực hiện quyết toán		39.102	-	37.213	33.800	3.299	-	2.700	369	-	369	2.330	64	829	1.000	437	9
1.1	Nhà ăn, nhà xe, nhà vệ sinh, tường rào, cổng, hệ thống thoát nước, sân trường TH Cẩm Đoài		8.000	144/QĐ-UBND ngày 21/7/2022	7.924	7.832	92	0	72	0			72		72			1

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự toán (hoặc Q. toán)		Đã thanh toán các năm trước	Kế hoạch vốn 2025		Số đã thanh toán năm 2025						Số dự án			
		Nghị quyết HĐND		Q. toán			Vốn năm 2025 đã bố trí	Vốn còn thiếu	Từ chuyển nguồn năm 2024			Năm 2025						
		Số nghị quyết HĐND	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng số				Tổng cộng	Cộng	Trong đó		Cộng	Tiền đất		Tiền đền bù khi NN thu hồi đất	Trợ cấp MT từ huyện	Trợ cấp MT từ NS tỉnh
											Tiền đất	Tiền thường xuyên						
1.2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 2: Từ công làng Hạ Xá đến công nhà ông Vũ Văn Hồng		5.931	Số 109/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	5.631	5.387	244	0	244	0	244	244					244	1
1.3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 3: Thôn Hạ Xá. Từ Nhà văn hoá thôn Hạ Xá đến nhà ông Vũ Văn Đô xóm Hoà Bình		8.648	Số 110/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	8.132	7.789	343	0	343	0	343	343			150		193	1
1.4	Sân thể thao, nhà tập luyện thể thao thôn Kim Xá		7.850	Số 187/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	7.618	7.223	395	0	8	0	8	8						1
1.5	Cải tạo, sửa chữa hội trường và nhà làm việc với Đảng ủy - UBND - HĐND xã Cẩm Đoài		700	Số 85/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	627	602	25	0	24	0	24	24			24			1
1.6	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Cẩm Đoài		3.700	Số 63/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	3.549	1.967	1.670	30	1.480	30		30			450	1.000		1

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự toán (hoặc Q. toán)		Đã thanh toán các năm trước	Kế hoạch vốn 2025		Số đã thanh toán năm 2025					Số dự án
		Nghị quyết HĐND	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng số		Vốn năm 2025 đã bố trí	Vốn còn thiếu	Từ chuyển nguồn năm 2024		Năm 2025			
									Cộng	Tiền đất	Tiền thường xuyên	Trong đó		
												Cộng	Tiền đền bù khi NN thu hồi đất	Trợ cấp MT từ huyện
1.7	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, mái che sân trường MN Cẩm Đoài		303	Số 184/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	280		279	0	279	109	109	13	158	1
1.8	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường TH Cẩm Đoài		470	Số 185/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	452	0	251	0	251	230	230	20		1
1,9	Cải tạo, sửa chữa lớp học 2 tầng 8 phòng, 2 tầng 6 phòng nhà hiệu bộ sân trường tiểu học xã Cẩm Đoài	93/UBND ngày 4/7/2023	3.500	Số 99/QĐ-UBND ngày 20/7/2023	3.000	3.000								1
2	Dự án chưa triển khai		105.050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9
2.1	Nhà bếp, khu hoạt động ngoài trời trường MN	Số 15/NQ-HĐND ngày 18/6/2021	4.000				0		0	0				1

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự toán (hoặc Q. toán)		Đã thanh toán các năm trước	Kế hoạch vốn 2025		Số đã thanh toán năm 2025						Số dự án		
		Số nghị quyết HĐND	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng số		Vốn năm 2025 đã bố trí	Vốn còn thiếu	Từ chuyển nguồn năm 2024			Năm 2025					
									Cộng	Trong đó		Cộng	Tiền đất	Tiền đền bù khi NN thu hồi đất		Trợ cấp MT từ huyện	Trợ cấp MT từ NS tỉnh
										Tiền đất	Tiền thường xuyên						
2.2	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường THCS Cẩm Đoài	Số 04/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	13.000						0	0					1		
2.3	Cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài	Số 01/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	9.000						0	0					1		
2.4	Xây dựng bếp ăn bán trú, nhà xe, công trình phụ trợ trường MN Cẩm Đoài	Số 01/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	3.000						0	0					1		
2.5	Cải tạo nâng cấp nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Cẩm Đoài	Số 01/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	950						0	0					1		
2.6	Xây dựng sân vận động nhà luyện tập thể thao thôn Kim Xá	Số 01/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	8.600						0	0					1		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự toán (hoặc Q. toán)		Đã thanh toán các năm trước	Kế hoạch vốn 2025		Số đã thanh toán năm 2025				Số dự án		
		Nghị quyết HĐND	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng số		Vốn năm 2025 đã bố trí	Vốn còn thiếu	Từ chuyển nguồn năm 2024		Năm 2025				
									Cộng	Trong đó		Cộng		Trong đó	
										Tiền đất	Tiền thường xuyên			Tiền đất	Tiền đền bù khi NN thu hồi đất
2.7	Xây dựng sân Vận Động thôn Ha Xá	Số 01/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	3.500				0	0	0				1		
2.8	Cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài (9 tuyến đường)	Số 08/NQ-HĐND ngày 27/12/2022	28.000				0	0	0				1		
2.9	Cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài	Số 04/NQ-HĐND ngày 20/07/2022	35.000				0	0	0				1		
B	PHƯỜNG TỨ MINH		139.391	-	97.490	33.386	55.139	8.965	21.214	19.112	18.867	245	2.100	11	
1	Dự án đã quyết toán		2.780	-	2.780	1.889	891	-	891	0	0	0	891	2	
1.2	Cải tạo nhà làm việc 3 tầng, nhà vệ sinh trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND phường Tứ Minh, TP.Hải Dương	Số 05/NQ-HĐND ngày 05/7/2024	1.950	115/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1.950	1.336	614	0	614	0			614	1	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự toán (hoặc Q. toán)		Đã thanh toán các năm trước	Kế hoạch vốn 2025		Số đã thanh toán năm 2025					Số dự án				
		Nghị quyết HĐND	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng số		Vốn năm 2025 đã bố trí	Vốn còn thiếu	Tự chuyển nguồn năm 2024		Năm 2025							
									Cộng	Tiền đất	Tiền thường xuyên	Cộng	Tiền đất		Tiền đền bù khi NN thu hồi đất	Trợ cấp MT từ huyện	Trợ cấp MT từ NS tỉnh	
1.3	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Thượng Đợt phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương		830	132/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	830	553	277	0	277	0	277	277	277				1	
2	Dự án đã thi công hoàn thành		11.800	-	11.800	7.000	4.800	-	3.209	2.000	2.000	0	1.209	1.209	0	0	0	1
2.1	Xây dựng nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND phường Tứ Minh		11.800	240/QĐ-UBND, 21/10/2024	11.800	7.000	4.800	0	3.209	2.000	2.000		1.209	1.209			1	
3	Dự án xây dựng dở dang		82.905	-	82.910	24.497	49.448	8.965	17.114	17.112	16.867	245	0	0	0	0	3	
3.1	Xây dựng trường THCS Tứ Minh, phường Tứ Minh		65.805	240/QĐ-UBND ngày 21/10/202	65.805	16.017	40.823	8.965	15.238	15.237	14.992	245	0				1	
3.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vũ Mạnh Hùng, khu Lộ Cương, phường Tứ Minh, TPHD, đoạn từ đường Trường Chinh đến đình Lộ Cương	Số 12/NQ-HĐND ngày 27/12/2024	4.300	62/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	4.300		4.300	0	1.876	1.875	1.875		0				1	

[illegible]



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Tứ Minh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự toán (hoặc Q. toán)		Đã thanh toán các năm trước	Kế hoạch vốn 2025		Tổng cộng	Từ chuyển nguồn năm 2024			Năm 2025					
		Nghị quyết HĐND	Số nghị quyết HĐND	Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng số		Vốn năm 2025 đã bố trí	Vốn còn thiếu		Cộng	Trong đó		Cộng	Trong đó				
											Tiền đất	Tiền thường xuyên		Tiền đất bù khi NN thu hồi đất	Tiền đền bù khi NN thu hồi đất	Trợ cấp MT từ NS huyện	Trợ cấp MT từ NS tỉnh	
	TỔNG CỘNG	-	69.900	-	131.703	64.186	58.438	31.964	23.914	19.481	18.867	614	4.430	2.164	829	1.000	437	
A	DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN				36.993	32.689	4.190	-	3.591	369	-	369	3.221	955	829	1.000	437	
B	DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH, CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN				11.800	7.000	4.800	-	3.209	2.000	2.000	-	1.209	1.209	-	-	-	-
C	DỰ ÁN ĐANG THI CÔNG DỒ DANG				82.910	24.497	49.449	8.964	17.114	17.112	16.867	245	-	-	-	-	-	-
D	DỰ ÁN THỰC HIỆN MỚI		69.900	-	-	-	-	23.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
A	Dự án đã thực hiện quyết toán		38.382	-	36.993	32.689	4.190	-	3.591	369	-	369	3.221	955	829	1.000	437	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự toán (hoặc Q. toán)		Đã thanh toán các năm trước	Kế hoạch vốn 2025		Số đã thanh toán năm 2025											
		Nghị quyết HĐND		Số QĐ, ngày, tháng năm			Tổng số		Vốn năm 2025 đã bố trí		Vốn còn thiếu		Từ chuyển nguồn năm 2024		Năm 2025					
													Cộng		Trong đó		Cộng	Trong đó		
															Tiền đất	Tiền thường xuyên		Tiền đất	Tiền đền bù khi NN thu hồi đất	Trợ cấp MT từ NS huyện
1	Nhà ăn, nhà xe, nhà vệ sinh, tường rào, công, hệ thống thoát nước, sân trường TH Cẩm Đoài	8.000		144/QĐ-UBND ngày 21/7/2022	7.924	7.832	92	0	72	0	72		72							
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 2: Từ công làng Ha Xá đến công nhà ông Vũ Văn Hồng,	5.931		Số 109/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	5.631	5.387	244	0	244	0		244					244			
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 3: Thôn Ha Xá. Từ Nhà văn hoá thôn Ha Xá đến nhà ông Vũ Văn Độ xóm Hoà Bình	8.648		Số 110/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	8.132	7.789	343	0	343	0		343			150		193			
4	Sân thể thao, nhà tập luyện thể thao thôn Kim Xá	7.850		Số 187/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	7.618	7.223	395		8	0		8			8					

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự toán (hoặc Q. toán)		Đã thanh toán các năm trước	Kế hoạch vốn 2025		Số đã thanh toán năm 2025							
		Nghị quyết HĐND					Tư chuyển nguồn năm 2024		Năm 2025							
		Số nghị quyết HĐND	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng số		Tổng cộng	Trong đó		Cộng	Trong đó					
								Cộng	Tiền đất		Tiền thường xuyên	Tiền đất thu hồi đất NN	Tiền đền bù khi NN	Trợ cấp MT từ NS huyện	Trợ cấp MT từ NS tỉnh	
5	Cải tạo, sửa chữa hội trường và nhà làm việc với Đảng ủy - UBND - HĐND xã Cẩm Đoài	700	Số 85/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	627	602	25	0	24	0	24	24					
6	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Cẩm Đoài	3.700	Số 63/QĐ-UBND ngày 22/5/2022	3.549	1.967	1.670		1.480	30	30	1.450	450	1.000			
7	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, mái che sân trường MN Cẩm Đoài	303	Số 184/QĐ-UBND ngày 05/12/2020	280		279	0	279	109	109	170	13				
8	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường TH Cẩm Đoài	470	Số 185/QĐ-UBND ngày 06/12/2020	452	0	251	0	251	230	230	20	20				
9	Cải tạo nhà làm việc 3 tầng, nhà vệ sinh trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND phường Tứ Minh, TP.Hải Dương	1.950	Số 05/NQ-HĐND ngày 05/7/2024	1.950	1.336	614	0	614	0		614	614				

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự toán (hoặc Q. toán)		Đã thanh toán các năm trước	Kế hoạch vốn 2025		Số đã thanh toán năm 2025								
		Nghị quyết HĐND		Q. toán			Vốn năm 2025 đã bố trí	Vốn còn thiếu	Từ chuyển nguồn năm 2024		Năm 2025						
		Số nghị quyết HĐND	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng số				Cộng	Trong đó		Cộng	Trong đó				
										Tiền đất	Tiền thường xuyên		Tiền đất	Tiền đền bù khi NN thu hồi đất	Trợ cấp MT từ NS huyện	Trợ cấp MT từ NS tỉnh	
10	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Thượng Đạt phường Từ Minh, thành phố Hải Dương	830		132/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	830	553	277	0	277	0		277					
B	Dự án đã thi công hoàn thành	11.800		-	11.800	7.000	4.800	-	3.209	2.000	2.000	0	1.209	1.209	0	0	0
1	Xây dựng nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND phường Từ Minh	11.800		240/QĐ-UBND, 21/10/2024	11.800	7.000	4.800	0	3.209	2.000	2.000		1.209	1.209			
C	Dự án xây dựng dở dang	82.905		-	82.910	24.497	49.449	8.964	17.114	17.112	16.867	245	0	0	0	0	0
1,0	Xây dựng trường THCS Từ Minh, phường Từ Minh	65.805		240/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	65.805	16.017	40.824	8.964	15.238	15.237	14.992	245	0				
2,0	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vũ Mạnh Hùng, khu Lộ Cương, phường Từ Minh, TPHD, đoạn từ đường Trường Chinh đến đình Lộ Cương	4.300	Số 12/NQ-HĐND ngày 27/12/2024	62/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	4.300		4.300	0	1.876	1.875	1.875		0				

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự toán (hoặc Q. toán)		Đã thanh toán các năm trước	Kế hoạch vốn 2025		Số đã thanh toán năm 2025					
		Nghị quyết HĐND		Q. toán			Vốn năm 2025 đã bố trí	Vốn còn thiếu	Tổng cộng	Từ chuyển nguồn năm 2024		Năm 2025		
		Số nghị quyết HĐND	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng số					Cộng	Trong đó			
											Tiền đất		Tiền thường xuyên	Cộng
3,0	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu dân cư Lộ Cường A, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương	Số 12/NQ-HĐND ngày 27/12/2024	12.800	62/QĐ-UBND - 10/04/2023	12.805	8.480	4.325	0	0	0				
D	Dự án thực hiện mới (theo thứ tự ưu tiên)		69.900					23.000						
1	Cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài	Số 08/NQ-HĐND ngày 27/12/2022	35.000					12.000						
2	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường THCS Cẩm Đoài	Số 04/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	13.000					4.000						
3	Xây dựng NVH Khu Cẩm Khê B	Số 12/NQ-HĐND ngày 27/12/2024	3.500					1.000						
4	Xây dựng NVH Khu Nhật Tân	Số 12/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 (phường Tứ Minh cũ)	3.500					1.000						
5	Cải tạo nâng cấp đường phố Trần Đăng Nguyên, Vũ Dự Khu Tứ Thông		14.900					5.000						